

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

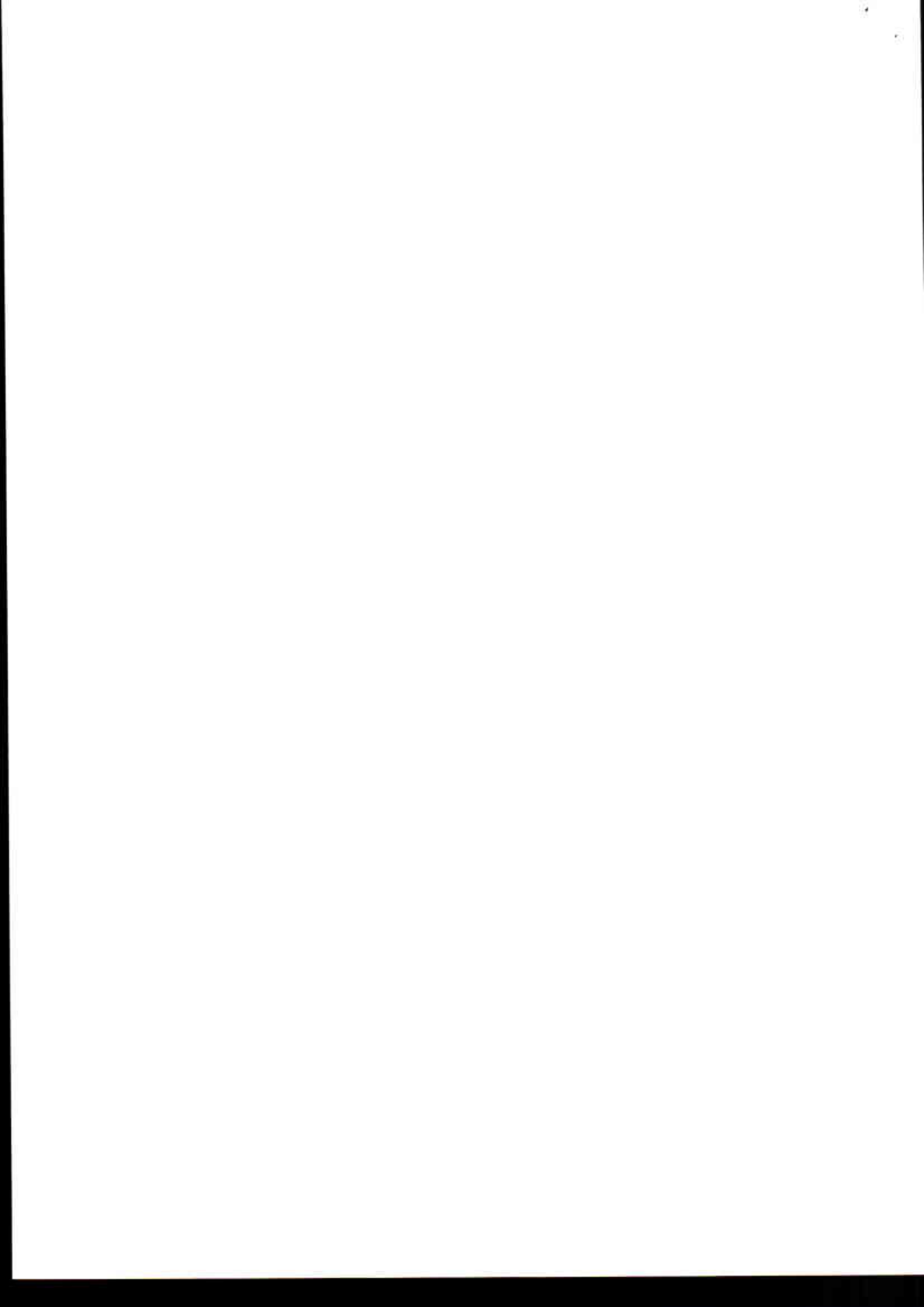
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

*(Được ban hành kèm theo Quyết định số: 472 /2009/QĐ-HĐQT
ngày 22 tháng 5 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt)*

Hà Nội, tháng 5 năm 2009



MỤC LỤC

Căn cứ pháp lý:	3
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty	3
Điều 3. Quy ước viết tắt và giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II: ĐIỀU LỆ VÀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị của Công ty	4
CHƯƠNG III: CỔ ĐÔNG	5
Điều 5. Quyền của cổ đông	5
Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn	6
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 7. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường	6
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông	15
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị	16
Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị	16
Điều 12. Thành phần Hội đồng Quản trị	17
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	17
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	18
Điều 15. Hợp Hội đồng Quản trị	20
Điều 16. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị	23
Điều 17. Thư ký Công ty	24
Điều 18. Thù lao của Hội đồng Quản trị	24
CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT	25
Điều 19. Tư cách thành viên Ban kiểm soát	25
Điều 20. Thành phần Ban kiểm soát	25
Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát	25
Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	25
Điều 23. Thù lao của Ban kiểm soát	26
CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	27

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	27
Điều 25. Giao dịch với người có liên quan	28
Điều 26. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty	28
CHƯƠNG VIII: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
Điều 27. Đào tạo về quản trị Công ty	29
CHƯƠNG IX: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH	29
Điều 28. Công bố thông tin thường xuyên	29
Điều 29. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty	30
Điều 30. Công bố thông tin về các cổ đông lớn	30
Điều 31. Tổ chức công bố thông tin	31
CHƯƠNG X: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT	31
Điều 32. Báo cáo	31
Điều 33. Giám sát	32
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	32
Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	32
Điều 35. Hiệu lực của Quy chế	32

Căn cứ pháp lý:

Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế quản trị Tập đoàn Bảo Việt được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán và trên cơ sở tham khảo những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị Công ty, vận dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của Công ty, đồng thời góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán, góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt.

3. Quy chế này là một trong các căn cứ để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
5. Minh bạch trong hoạt động của Công ty.
6. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có

hiệu quả.

7. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quy ước viết tắt và giải thích thuật ngữ

1. Quy ước viết tắt:

a. “Công ty”: là Tập đoàn Bảo Việt.

b. “Tổng Giám đốc”: là Tổng Giám đốc của Tập đoàn Bảo Việt.

c. “Ban Tổng Giám đốc”: là Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn Bảo Việt, gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc các Khối chức năng.

d. “Hội đồng Quản trị”: là Hội đồng Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.

e. “Đại hội đồng cổ đông”: là Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt.

f. “Cổ đông”: là cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt.

g. “Quy chế”: là Quy chế quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (Quy chế này).

2. Giải thích thuật ngữ:

a. “Quản trị Công ty”: là tập hợp những cơ chế, quy định mà thông qua đó Công ty được điều hành và kiểm soát một cách có hiệu quả, phù hợp với Điều lệ Công ty và pháp luật nhằm bảo đảm tốt nhất lợi ích của của cổ đông và quyền lợi của những người có liên quan.

b. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

c. “Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập”: là thành viên Hội đồng Quản trị không phải (1) là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc các Khối chức năng, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác của Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, hoặc (2) là cổ đông (cá nhân) lớn của Công ty.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của các văn bản đó.

CHƯƠNG II: ĐIỀU LỆ VÀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

Điều 4. Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị của Công ty

1. Điều lệ Công ty được xây dựng và ban hành theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài

chính ban hành và phù hợp với Luật doanh nghiệp. Quy chế quản trị Công ty được xây dựng và ban hành phù hợp với Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế quản trị Công ty.

CHƯƠNG III: CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.

c. Quyền biểu quyết thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d. Quyền ủy quyền cho người khác tham gia Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các Nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Trường hợp các Nghị quyết nêu trên vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, thì Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Hội đồng Quản trị của Công ty xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của cổ đông lớn để gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 7. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm một lần, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn tối đa là 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Đại hội cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá một phần ba so với quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

4. Cách thức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại theo quy định tại điểm 3.c Khoản 3 Điều này; hoặc kể từ ngày phát hiện ra Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa như quy định tại điểm 3.b Khoản 3 của Điều này; hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm 3.d và điểm 3.e Khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm 3.d Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Chương trình, nội dung họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội cổ đông, hoặc Đại hội cổ đông được

triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

b. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

c. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;

d. Khẳng định thời gian và địa điểm cuộc họp; và

e. Thông báo cho tất cả các cổ đông về cuộc họp và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông;

f. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm Chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 một tờ báo Trung ương, hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào Chương trình họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề

xuất nêu tại Khoản 6 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% năm phần trăm cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong Chương trình họp.

9. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% một trăm phần trăm số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong Chương trình.

10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

11. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông:

a. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục

đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số Thẻ ủng hộ Nghị quyết được thu trước, số Thẻ phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

c. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

d. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ cao nhất tại Công ty có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một Thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

e. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

f. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng (i) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (ii) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (iii) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có

thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá (03) ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết họp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

g. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điểm f Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

h. Chủ tọa của Đại hội, hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

i. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

12. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

d. Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu tại Điểm 12.d Khoản này, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại địa điểm đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

- c. Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện

pháp tổ chức theo Khoản này.

d. Theo Điều lệ Công ty (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này, các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

c. Các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, tăng hoặc giảm vốn điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 85% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày Quyết định được thông qua.

15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật doanh nghiệp):

a. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

c. Phiếu lấy ý kiến cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm: Tán thành; Không tán thành và không có ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

e. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

f. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các quyết định đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo

pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

g. Các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

h. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

i. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

j. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

k. Những người tham gia họp cử một Thư ký ghi biên bản họp. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban kiểm soát xem xét tư cách dự Đại hội của những người tham gia. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.

l. Tất cả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký Đại hội và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

16. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Trình tự, thủ tục ra Quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

17. Hội đồng Quản trị sắp xếp Chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

18. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người đại diện theo uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết.

19. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính.
2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị.
3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.
5. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý.
6. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng viên Hội đồng Quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử một ứng viên Hội đồng Quản trị; Từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; Từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; Từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty, cụ thể như sau: